TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 705/2019/HS-PT
Ngày 18 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh.

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh.

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 290/2019/TLPT-HS ngày 5 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo Nguyễn Thị D và bị cáo Đào Khắc Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Do có kháng cáo của các bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số: 131/2019/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 457/2019/QĐPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Nguyễn Thị D; sinh ngày 18 tháng 12 năm 1973 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT: xóm 2, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: phòng trọ số 369/9D khu phố Nh, phường D, thị xã X, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: quản lý dây chuyền sản xuất số 9 - Công ty TNHH F; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Cảnh Tr; con bà: Nguyễn Thị C; hoàn cảnh gia đình: không có chồng con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 12/01/2016 đến ngày 11/5/2016; bị cáo tại ngoại (có mặt)

2/ Đào Khắc Đ; sinh ngày 04 tháng 11 năm 1978 tại Hòa Bình; nơi đăng ký HKTT: Số 8/9A khu phố Nh, phường D, thị xã X, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Số F6, đường số 5, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: kinh doanh Karaoke; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Trung T; con bà: Vũ Thị L; hoàn

cảnh gia đình: có vợ và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 12/01/2016 đến ngày 21/01/2016; bị cáo tại ngoại (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo D: Luật sư Phan Văn H – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Phan Công Th, Trần Thị L, Nguyễn Hoàng Đ1, Trần Thiên H, Vũ Hoàng Đ2, bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị D, Phan Công Th và Trần Thị L đều là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn F (địa chỉ: Lô 24, 26, 28, 30, 31, 32, 33, 34 Khu chế xuất S, phường L, quận T; Công ty 100% vốn nước ngoài; ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các loại giày, túi xách, công cụ và phụ kiện giày…)

Nguyễn Thị D có nhiệm vụ: quản lý dây chuyền sản xuất giày số 9; Trần Thị L có nhiệm vụ: Quản lý dây chuyền sản xuất giày số 3; Phan Công Th (là cháu họ gọi D bằng dì) có nhiệm vụ: hàng ngày đi nhận đế giày từ kho chứa đế giày rồi mang về dây chuyền sản xuất giày số 9 để công nhân sản xuất. Bắt đầu từ năm 2014, các đối tượng này đã cùng nhau trộm cắp các đôi giày hiệu Nike thành phẩm bị lỗi hoặc còn thừa và những phụ kiện nguyên vật liệu dùng để sản xuất giày Nike, cụ thể như sau:

- Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý dây chuyền sản xuất giày số 9, đối với những đôi giày đã thành phẩm bị lỗi hoặc còn thừa thay vì phải giao cho Công ty cắt bỏ thì D đã trộm cắp số giày bị lỗi hoặc còn thừa này; hoặc trong quá trình băng chuyền sản xuất giày có dư mặt giày và đế giày thì D lấy các nguyên phụ liệu này, giao cho các công nhân để sản xuất giày thành phẩm hoàn chỉnh rồi D lấy trộm số giày này.

- Trần Thị L trộm cắp các mặt giày trong dây chuyền sản xuất do L quản lý rồi giao cho D; còn Phan Công Th có trách nhiệm đi gặp anh Lê Văn T (sinh năm: 1987; HKTT: ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang) là công nhân của Công ty TNHH E, chuyên cung cấp bán đế giày cho Công ty F, để xin các đế giày (do T xin đế giày bị lỗi ở các vựa ve chai), rồi mang về giao cho D để D mang đến băng chuyền mà các công nhân đang sản xuất nhờ họ khâu, ép keo tạo thành sản phẩm hoàn thiện.

Sau khi trộm cắp được giày, D tìm cách mang giày ra khỏi Công ty bằng cách: Để trên giá đưa giày đi đóng gói, đợi cơ hội thích hợp rồi sử dụng dây buộc giày của chính đôi giày đã ăn trộm được quấn chặt quanh giày cho nhỏ gọn lại rồi giấu vào trong bụng (lưng quần), mặc áo khoác bên ngoài để ngụy trang đi qua cửa bảo vệ công ty ra ngoài không bị phát hiện. Sau đó, Th chở D mang tài sản trộm cắp được đến quán Karaoke H (địa chỉ: F6, đường số 5, KP B 2, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương) do Đào Khắc Đ làm chủ để cất giấu giày vào thùng giấy carton đặt trong khu nhà bếp tầng 1. Đ biết rõ số giày D và Th cất giấu tại

nhà mình là do D và Th trộm cắp của Công ty F, nhưng vì là bạn bè thân thiết nên Đ đã đồng ý cho D và Th cất giấu tài sản trộm cắp tại nhà của Đ. Việc Đ đồng ý chứa chấp giày trộm cắp giúp D chỉ là vì tình cảm; hai bên không có thỏa thuận ăn chia tiền gì với nhau.

Thông qua anh Nguyễn Văn C cũng làm công nhân trong Công ty F giới thiệu cho Phan Công Th làm quen với Nguyễn Hoàng Đ1. Đạt làm nghề kinh doanh buôn bán giày đá bóng ở gầm cầu vượt Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khi nói chuyện với nhau, Đ1 biết được Th và D đang trộm cắp giày nhãn hiệu Nike của Công ty F và muốn tìm đầu mối tiêu thụ nên đã thỏa thuận và hứa hẹn với D và Th là cứ lấy trộm được bao nhiêu giày của Công ty thì đem ra bán cho Đ1 với giá: Loại I là 1.400.000 đồng/đôi, loại II có giá là 700.000 đồng/đôi. Thời gian đầu, hàng ngày (trừ ngày Chủ nhật), D hoặc Th mang giày trộm cắp trực tiếp đến bán cho Đ1 và nhận tiền mặt. Về sau, D và Th nói với Đ1 cứ đến quán Karaoke Hoàng Khánh của Đ để tự lấy giày mang đi tiêu thụ và sẽ tính toán tiền mua bán với D sau

Sau khi mua số giày D và Th trộm cắp được, Đ1 mang bán lại cho Vũ Hoàng Đ2, Trần Thiên H và giao nhận tiền, hàng trực tiếp với nhau. Hân và Đ2 biết rõ số giày Đ1 bán cho mình là do trộm cắp mà có nhưng vì ham lợi nên H và Đ2 vẫn đồng ý chấp nhận mua giày của Đ1 về bán lại cho khách kiếm lời.

Ngoài ra Nguyễn Hoàng Đ1 còn thông qua mạng Internet đem một số đôi giày hiệu Nike do D và Th trộm cắp được bán cho anh Trần Xuân T và bán cho anh Hoàng Bá T1 tổng cộng khoảng 50-60 đôi. Khi bán giày cho Tuấn Anh và Xuân Thành thì Đ1 nói đây là hàng thanh lý của Công ty, T1 và T hoàn toàn không biết số giày Đ1 bán là do người khác phạm tội mà có.

Ngày 12/01/2016, Phan Công Th đang chuẩn bị mang giày trộm cắp được cất giấu tại quán Karaoke H do Đào Khắc Đ làm chủ đi bán cho Nguyễn Hoàng Đ1 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ công an tiến hành bắt quả tang Th và Đ, tiến hành bắt và khám xét khẩn cấp đối với các đối tượng Nguyễn Thị D, Trần Thị L, Nguyễn Hoàng Đ1, Trần Thiên H và Vũ Hoàng Đ2.

Giá trị tài sản các bị cáo Nguyễn Thị D, Trần Thị L, Phan Công Th và Nguyễn Hoàng Đ1 chiếm đoạt và bị cáo Đào Khắc Đ chứa chấp là 53.490.013 đồng. Giá trị tài sản các bị cáo Vũ Hoàng Đ2 và Trần Thiên H mua của Nguyễn Hoàng Đ1 là 12.394.224 đồng và 6.993.847 đồng.

Bản Cáo trạng số 494/CT-VKS-P2 ngày 20/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì:

Bị cáo Nguyễn Thị D, Phan Công Th, Trần Thị L và Nguyễn Hoàng Đ1 bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo Đào Khắc Đ bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" tại điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình 1999, sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo Vũ Hoàng Đ2 và Trần Thiên H bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự 1999, được sửa, đổi bổ sung năm 2009.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 131/2019/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D, Phan Công Th, Trần Thị L và Nguyễn Hoàng Đ1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Đào Khắc Đ phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

Các bị cáo Vũ Hoàng Đ2 và Trần Thiên H phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

**Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:*

1/ Xử phạt: Nguyễn Thị D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 12/01/2016 đến ngày 11/5/2016.

**Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:*

2/ Xử phạt: Đào Khắc Đ 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 12/01/2016 đến ngày 21/01/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn còn quyết định về hình phạt đối với Phan Công Th, Trần Thị L, Nguyễn Hoàng Đ1, Trần Thiên H, Vũ Hoàng Đ2, Vũ Hoàng Đ2; quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/4/2019, bị cáo Nguyễn Thị D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo

Ngày 25/4/2019, bị cáo Đào Khắc Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị D: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì lý do hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, neo đơn bị cáo còn mẹ già lớn tuổi không có ai chăm sóc ngoài bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và công việc ổn định.

Bị cáo Đào Khắc Đ trình bày: Bị cáo phạm tội do nể nang, bị cáo không có hưởng lợi bất chính, bị cáo phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng. Hiện nay bị cáo đi làm nuôi con nhỏ đang tuổi ăn học, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị

cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để cho bị cáo ở ngoài lao động nuôi con của bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo D trình bày: Bị cáo D nhất thời phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; từ ngày về địa phương bị cáo cố gắng làm ăn, bị cáo có công ăn việc làm ổn định, gia đình có công với cách mạng. Hiện nay, hoàn cảnh bị cáo neo đơn, bị cáo còn phụng dưỡng mẹ già hơn 80 tuổi. Trước đó cơ quan điều tra xác định là bị cáo trộm thành phẩm sau chuyển thành trộm da dày nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là không đúng vì số da dày bị cáo trộm cắp nằm trong phần bị lỗi cho phép hao hụt; bị cáo chỉ là người tận dụng kinh nghiệm để nhặt những phế liệu này về sau đó bị cáo mua thêm vật liệu để làm thành phẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm 06 tháng tù là quá nặng. Do đó. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển từ án giam sang án treo cho bị cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo D 2 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và bị cáo Đ 9 tháng tù về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có". Sau khi xử sơ thẩm bị cáo D và bị cáo Đ kháng cáo xin hưởng án treo. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo D về tội "Trộm cắp tài sản" và bị cáo Đ 9 tháng tù về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Đối với bị cáo D hiện nay bị cáo có công việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo còn phụng dưỡng mẹ già trên 80 tuổi do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo D được hưởng án treo. Đối với bị cáo Đ bị cáo còn phải chăm lo cho con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo 03 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị cáo Nguyễn Thị D và bị cáo Đào Khắc Đ kháng cáo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đối chiếu với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Vào khoảng thời gian từ tháng 7/2014 đến ngày 12/01/2016, tại công ty TNHH F, lợi dụng công ty sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo D đã cùng với 02 nhân viên của công ty là Trần Thị L và Phan Công Th đã lén lút chiếm đoạt các đôi giày thể thao dùng để đá bóng hiệu Nike sản phẩm đã bị lỗi và những phụ kiện nguyên vật liệu dùng sản xuất giày, sau đó đem đi bán trực tiếp cho Nguyễn Hoàng Đ1 hoặc D đem cất giấu số giày này tại quán Karaoke do Đào Khắc Đ làm chủ để Đ1 đến lấy đi tiêu thụ. Sau khi mua lại

số giày này từ các bị cáo D, Lan, Th thì Đ1 đem đi bán lại cho Trần Thiên H và Vũ Hoàng Đ2 để kiếm lời.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Nguyễn Thị D, Trần Thị L, Phan Công Th và Nguyễn Hoàng Đ1 phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; bị cáo Đào Khắc Đ phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"; các bị cáo Trần Thiên H và Vũ Hoàng Đ2 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D và bị cáo Đào Khắc Đ, thấy rằng:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thị D: Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị D cho rằng các sản phẩm bị cáo lấy là sản phẩm đã bị lỗi, Công ty cắt ra để đem bán phế liệu, nhưng bị cáo thấy tiếc nên mới lấy đem bán. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy các sản phẩm này bị lỗi, nhưng đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH F nên Công ty TNHH F được pháp luật bảo vệ quyền của chủ sở hữu (quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt) đối với tài sản này. Khi quyền sở hữu bị xâm phạm thì người có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu phải chịu những hậu quả pháp lý nhất định tương xứng với hành vi của họ gây ra. Như vậy, với hành vi lén lút lấy tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH F của bị cáo Nguyễn Thị D nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm xét xử tuyên bố bị cáo D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Tuy nhiên, như đã nêu ở phần trên, tài sản bị cáo trộm cắp là những đôi giày thành phẩm bị lỗi, thay vì đem đi cắt bỏ; đối với các mặt dày và đế dày không còn đầy đủ nhưng cơ quan điều tra lại quy buộc bị cáo chịu trách nhiệm đối với tài sản đã thành phẩm hoàn chỉnh là giá trị giá thành tiền công sản xuất đôi giày thành phẩm là có phần bất lợi cho bị cáo. Tuy nhiên, để ổn định bản án, ngoài vấn đề trên thì Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; bị cáo ăn ăn hối cải, thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu. Đặc biệt hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, còn phải phụng dưỡng mẹ già lớn tuổi, gia đình bị cáo có công với cách mạng; hiện nay bị cáo có công việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo D ra khỏi xã hội, cũng đủ răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, giữ nguyên mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên 2 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[3.2] Đối với bị cáo Đào Khắc Đ: Bị cáo phạm tội do nể nang bị cáo D, bị cáo không có hưởng lợi bất chính. Sau khi phạm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm sáng tỏ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, mức án 09 tháng tù của bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo

phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng, hiện nay bị cáo có công việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo đang chăm lo cho các con của bị cáo đang tuổi ăn học. Để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội lao động, chăm lo cho con của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D, Đào Khắc Đ.

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2019/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Bị cáo Đào Khắc Đ phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*:*

3.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nguyễn Thị D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

3.2. Xử phạt bị cáo Đào Khắc Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên quy định tại Điều 64 Luật thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị D và bị cáo Đào Khắc Đ không phải chịu.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Thành phố HCM;
- VKSND Thành phố HCM;
- Cục THADS Thành phố HCM;
- Sở Tư pháp Thành phố HCM.
- Công an Thành phố HCM;
- Trại tạm giam Công an TP. HCM;
- Trại tạm giam Công an TP. HCM;
(Tống đạt cho các bị cáo) (1);
- Lưu: VP (3), Hồ sơ (2), (án NTMD).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh